

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-02-2023

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Phúc
Bà Phạm Thu Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Q, xã Q1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Kim N có lời trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 anh T có quan hệ qua lại với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình nên chị đã đưa 02 con về cha mẹ ruột sinh sống, từ năm 2020 chị và anh T sống ly thân. Chị N khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 03/4/2011 và Nguyễn Lê An C, sinh ngày 21/10/2018. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn T vắng mặt: Tòa án không thu thập được lời trình bày của anh T.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim N đối với anh Nguyễn Tấn T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Tấn T cư trú tại ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Lê Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Tấn T trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa vắng mặt không lý do, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh T và tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị N là phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Tấn T đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Kim N cho rằng từ đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và xin được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim N và anh T đã phát sinh, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2020. Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 của Tòa án đối với người nhà của anh T cho rằng giữa anh T và chị N đã không còn sống chung từ cuối năm 2020 do anh T có quan hệ với người khác bên

ngoài nên chị N đã đưa 02 con về cha mẹ ruột sinh sống, T chấp nhận ly hôn nhưng không đồng ý đến Tòa án. Tại bản tự khai ngày 16/11/2022 do người nhà anh T gửi đến Tòa án thì anh T chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, từ đó xét thấy anh T đã không còn muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị N, tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 03/4/2011 và Nguyễn Lê An C, sinh ngày 21/10/2018. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi anh chị sống ly thân, 02 con sống chung với chị N được chị chăm sóc chu đáo, theo nguyện vọng của cháu Ánh D muốn sống cùng mẹ, do đó yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận. Ghi nhận việc chị Ngọc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị N có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T. Hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Tấn T chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Chị N được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 03/4/2011 và Nguyễn Lê An C, sinh ngày 21/10/2018. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị N có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0010561 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P1, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Thị Tiến